

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26 /2023/DS-ST
Ngày: 12/5/2023
V/v tranh chấp di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện;
2. Ông Nguyễn Văn Sâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08 /2021/TLST- DS ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc: Tranh chấp di sản thừa kế, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/ QĐST-DS ngày 10/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/ QĐST-DS ngày 03/3/2023, Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 01/2023 QĐST-DS ngày 30/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/ QĐST-DS ngày 13/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trịnh Khắc V - Sinh năm 1956;

Trú tại: Thôn M 3, xã B, huyện T, tỉnh T; Có mặt.

Là người được ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trình Đình H, Trợ giúp viên pháp lý - Chi nhánh số 6, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T; Vắng mặt.

Bị đơn:

1. Ông Trịnh Khắc P - Sinh năm 1971; có mặt
2. Anh Trịnh Khắc L - Sinh năm 1982; vắng mặt
3. Chị Trịnh Thị Th - Sinh năm 1972; vắng mặt

Đều trú tại: Thôn M 3, xã B, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư, Nguyễn Trung K thuộc Văn phòng Luật sư An Khang T; Có mặt.

Và những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trịnh Thị Sen - SN 1932; Trú tại: Thôn Mỹ Hạ, xã B, huyện T, tỉnh T.
2. Bà Trịnh Thị Son - SN 1934; Trú tại: Thôn M 3, xã B, huyện T, tỉnh T.
3. Bà Trịnh Thị L - SN 1936; Trú tại: Thôn Phong Lạc 3 xã N, huyện T, tỉnh T.

4. Ông Trịnh Khắc Tài - Sn 1944; Trú tại : Tổ 2, khu phố 2, phường Lam Sơn, thị xã B, tỉnh T.

5. Anh Trịnh Khắc T- SN 1959;

Đều vắng mặt

6. Anh Trịnh Khắc H - SN 1965;

Đều trú tại: Thôn M 2, xã B, huyện T, tỉnh T; Có mặt.

7. Anh Trịnh Khắc C - SN 1960; Trú tại: Đội 1, xã B, huyện T, tỉnh T; Có mặt.

8. Chị Trịnh Thị Thiêng - SN 1951; Trú tại: Thôn Trung Thôn 1, xã B, huyện T, tỉnh T.

9. Bà Lê Thị Đ - SN 1940; Trú tại: Thôn M 3, xã B, huyện T, tỉnh T.

10. Chị Trịnh Thị Nh - SN 1975;

11. Chị Trịnh Thị Đ- SN 1966;

12. Chị Trịnh Thị Nh SN 1977;

13. Anh Trịnh Khắc Nh - SN 1970;

Đều trú tại: Thôn Mỹ Thượng 3, xã B, huyện T, tỉnh T.

14. Anh Trịnh Khắc Th - Sn 1957;

15. Chị Trịnh Thị H- SN 1966;

16. Chị Trịnh Thị H - SN 1970;

17. Anh Trịnh Khắc N - SN 1975;

Đều trú tại Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh T.

18. Anh Vũ Đức Th - SN 1986;

19. Chị Vũ Thị H - SN 1983;

Đều trú tại: Số nhà 555, khu phố 1, phường Lam Sơn, thị xã B, T.

20. Bà Phạm Thị M - SN 1955; Trú tại: Thôn Mỹ 3, xã B, huyện T. (Bà M đã chết, chị Trịnh Thị Th và anh Trịnh Khắc Ph, là con đẻ, cùng địa chỉ trên, thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà M).

Người đại diện theo ủy quyền của: Bà Son; ông Tài; ông Tình; ông Hoa; ông Cảnh; ông Hoa; ông Cảnh; bà Thiêng; anh Thắng; chị Hương; ông Thế; chị H; chị H; anh N; chị Th, anh Ph là ông Trịnh Khắc V.

Người đại diện theo ủy quyền của: Chị Đ; chị Nhàn; anh Nh; chị Nh; bà Sen; bà L; anh L; chị Th; bà Đ là anh Trịnh Khắc P.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Trịnh Khắc V trình bày:

Ông nội tôi là Trịnh Khắc Th và bà nội tôi là Lê Thị S1 sinh được 08 người con gồm: Trịnh Khắc S2, Trịnh Khắc S, Trịnh Khắc T, Trịnh Thị S, Trịnh Thị S, Trịnh Thị L, Trịnh Thị L và Trịnh Khắc D.

Ông Th và bà S1 có khối tài sản là một mảnh đất diện tích 894m² (trong đó 494m² là đất ông cha để lại; còn 400m² là đất là do ông, bà mua thêm của người hàng xóm vào năm 1953). Tại thửa số 246, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 229) và một ngôi nhà ngói 04 gian. Tổng giá trị tài sản là: 400.567.000đ (Bốn trăm triệu, năm trăm S mươi bảy nghìn đồng); trong đó: đất ở có giá trị là: 328.072.000 và nhà cấp 4 có giá trị 72.495.000đ.

Năm 1964, ông nội tôi chết không để lại di chúc, bà nội tôi một mình nuôi 08 người con. Các con của ông bà đều tạo lập cuộc sống riêng, chỉ có bố mẹ tôi và vợ chồng chú Trịnh Khắc D (ông D chết năm 1994) ở trên mảnh đất của ông bà. Bố mẹ tôi và vợ chồng tôi ở cùng bà trong ngôi nhà cũ 04 gian của ông bà trên mảnh đất 494m² do ông cha để lại; vợ chồng chú D ở phần đất ông bà mua thêm năm 1953 có diện tích 400m².

Năm 1990, vợ chồng chú Trịnh Khắc D và thím Lê Thị Đ làm thêm một ngôi nhà trên phần đất mà bố mẹ tôi và bà đang ở với lý do là làm nhà cho chú Trịnh Khắc Tài về ở nên bà đồng ý. Sau đó, bà phát hiện ra sự việc không phải như vậy, vợ chồng chú D chỉ muốn làm nhà ra phần đất đó để chiếm thêm đất của bà nên bà đã không đồng ý, mâu thuẫn phát sinh từ đó.

Năm 2005, bà tôi chết. Trước khi chết bà tôi có để lại di chúc nhưng tất cả các di chúc đó đều không có hiệu lực pháp lý.

Tôi là Trịnh Khắc V - con trai trưởng của ông Trịnh Khắc S2 là trưởng nhánh dòng họ 10 đời nay. Sau khi lập gia đình cùng bà Phạm Thị M vào năm 1980, tôi đã được bà nội tôi cùng bố mẹ tôi và tất cả các cô chú trong gia đình giao cho ở với bà Lê Thị S1. Tôi ở với bà từ năm 1980 đến năm 2005 bà tôi mất, suốt 25 năm trong đó gần 5 năm bà ốm nằm tại chỗ vợ chồng tôi chăm sóc bà chu đáo bằng tình yêu thương và trách nhiệm của một người cháu. Sau khi bà mất tôi được đại gia đình

giao cho ma chay cải táng hoàn chỉnh cho bà (tại biên bản họp gia đình của gia đình tôi ngày 28/6/2009 đã đề cập đến), ngoài ra tôi và vợ tôi có trách nhiệm lo thờ cúng ông bà, tổ tiên, chăm lo giỗ tết, quy tập mộ mả....

Nay các chú Trịnh Khắc Tài, cô Trịnh Thị Sơn cùng các con của chú Trịnh Khắc S, cô Trịnh Thị Liên (Chú S và cô Liên đã chết) đã đồng ý cho tôi toàn bộ kỷ phần tài sản của họ là diện tích đất trong tổng diện tích 838m² tại thửa 1422, tờ bản đồ số 06, chủ sử dụng là Lê Thị S1 (có giấy ủy quyền và tôi đã nộp cho Tòa án huyện T).

Theo kỷ phần thì tôi được hưởng bốn phần của cô, chú (gồm chú S, chú Tài, cô Sơn và cô Liên) và một phần của bố tôi là 5 phần = 535,5m² (mỗi kỷ phần là 107,16m²). Hiện gia đình tôi đã xây dựng nhà, sinh sống ở ổn định từ trước đến nay trên diện tích đất là 406,3m²; như vậy tôi còn đang thiếu 129,5m². Nay tôi yêu cầu các em P, Th, L giao lại phần đất đang tranh chấp từ trước đến nay là 129,5m² (phía Bắc giáp đất nhà tôi là 4,96m; phía Nam giáp Đ liên thôn dài 4,77m; phía Tây giáp nhà tôi dài 12,7m; phía Đông giáp đất nhà em P là 12,32m.

Tại phiên tòa hôm nay tôi yêu cầu cụ thể như sau:

- Cho tôi được hưởng 05 kỷ phần thừa kế, mỗi kỷ phần là 107,16m². các kỷ phần này là của: Bố tôi, ông Trịnh Khắc S2, Chú S, Cô Sơn, Chú Tài, Cô Liên. Tổng diện tích đất của 05 kỷ phần là 535,5m².

- Trích công S2 duy trì, bảo quản tài sản của ông bà tôi hơn 40 năm qua.

- Công nuôi dưỡng, chăm sóc bà nội tôi hơn 25 năm, sau khi bà mất, vợ chồng chúng tôi đứng ra làm ma, cải táng bà hoàn chỉnh, chu đáo. Tôi yêu cầu cụ thể là cho tôi được hưởng phần công S2 này tương đương 01 kỷ phần.

* Bị đơn:

- Ông Trịnh Khắc P trình bày: Ngày 19/7/2019, tôi nhận được đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ gửi kèm theo đơn của ông Trịnh Khắc V khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện T. Sau khi đọc các tài liệu trên, cũng như xét xử tại phiên Tòa tôi cũng như mọi thành viên trong gia đình hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông V. Vì yêu cầu này của V là vô lý vì sau khi bố tôi được bà nội tôi chia đất từ năm 1990, bố tôi làm nhà giao cho tôi ở để cưới vợ, vợ chồng tôi ở ổn định từ năm 1990 đến nay đã 30 năm. Diện tích đất thực tế như bản án DSST số 23/2018 ngày 27/6/2018 của TAND huyện T đã quyết định là 60m², trị giá 44.000 đ/m². Nay ông V khai lên khoảng 107m², hỏi ông V đào đầu ra, như vậy ông V nói sai sự thật.

Nên tôi không đồng ý với các yêu cầu của ông V, kể cả việc trích công S2 đóng góp, thờ cúng, duy trì bảo quản khối tài sản của ông bà nội tôi cho bố ông Trịnh Khắc V. Vì cái nhà lâu nay ông V ở thì ông V phải duy tu bảo quản là bình thường, còn việc chăm sóc, ma chay, cải táng bà S1 là do các anh em con cháu cùng góp công S2, chi phí để làm chứ không phải mình ông V làm. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án Chị Đào; chị Nhàn; anh Nhạn; chị Nhung; bà Sen; bà L; anh L; chị Th; bà Đ đã ủy quyền cho tôi tham gia phiên tòa.

Tôi đề nghị Tòa án cần tham khảo thêm và xác M thực tế để giải quyết vụ án đảm bảo sự công bằng, công M theo quy định của pháp luật.

* Quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích cho Nguyên đơn của ông Trịnh Đình H:

Ông nội ông Trịnh Khắc V là ông Trịnh Khắc Th và bà nội ông V là bà Lê Thị S1, sinh được 8 người con là: Trịnh Khắc S2, Trịnh Khắc S, Trịnh Khắc Tài, Trịnh Thị Sen, Trịnh Thị Son, Trịnh Thị L, Trịnh Thị Liên và Trịnh Khắc D.

Về tài sản: ông Trịnh Khắc S2 và bà Lê Thị S1 có khối tài sản chung là: Thửa 1422, tờ bản đồ số 6 tên chủ hộ sử dụng đất Lê Thị S1, diện tích 894m², gồm hai loại đất: Đất ở 630m²; đất vườn 264m². (Trong đó 494m² là đất cha ông để lại; 400m² là đất ông bà nội ông V mua thêm năm 1953) tại thửa đất số 246, tờ bản đồ số 02 (Bản đồ 299) và 01 ngôi nhà ngói 4 gian. Ông nội ông mất năm 1964 không để lại di chúc, bà nội ông mất năm 2005 có để lại di chúc nhưng tất cả các di chúc đều không hợp pháp.

Ông Trịnh Khắc V yêu cầu:

1. Chia di sản thừa kế là tài sản chung của ông bà nội ông là mảnh đất có diện tích 894m² theo quy định của pháp luật.

2. Buộc anh Trịnh Khắc P tháo dỡ ngôi nhà và toàn bộ công trình, chuồng trại trên diện tích đất khoảng 60m², trả lại khoảng không gian ngôi nhà ông đang ở, cũng chính là nơi thờ cúng của cả dòng họ theo đúng nguyện vọng của bà Lê Thị S1 cũng như của các Cô, Chú trong gia đình.

3. Trích công S2 đóng góp, thờ cúng, duy trì, bảo quản khối tài sản chung của ông bà nội ông cho ông Trịnh Khắc S2 và vợ chồng ông Trịnh Khắc V (do vợ ông V là bà Phạm Thị M đã chết nên 02 con chung của bà M và ông V là chị Trịnh Thị Thảo và anh Trịnh Khắc Phong thừa kế quyền và nghĩa vụ)

Trợ giúp viên pháp lý thấy yêu cầu của ông V là hoàn toàn chính đáng và có căn cứ pháp lý, bởi vì:

Lúc sinh thời, ông Trịnh Khắc Th và bà Lê Thị S1 có khối tài sản chung là 01 mảnh đất có diện tích 894m², gồm 630m² đất ở, 264m² đất màu (Số liệu đo đạc do Tòa án tỉnh tiến hành cùng Hội đồng đo đạc ngày 19/8/2021) tại thửa đất số 246, tờ bản đồ số 02 (Bản đồ 299 năm 1984), chủ sử dụng đất là Lê Thị S1 và 01 ngôi nhà ngói 04 gian. Ông Th mất năm 1964, không để lại di chúc, bà S1 mất năm 2005 có để lại một số di chúc nhưng các di chúc này đều không hợp pháp nên không có giá trị pháp lý.

Theo hồ sơ địa chính lập năm 2004: Thửa đất 1422 tờ bản đồ số 06 tên chủ hộ là Lê Thị S1, diện tích 838m², gồm hai loại đất . Đất ở 200m², đất vườn 638m²

Qua các biên bản họp gia đình nhà bà Lê Thị S1 qua các thời kỳ đều khẳng định đất và nhà Từ Đ là tài sản của ông Th và bà S1 để lại cho con cháu đời sau.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định thửa đất diện tích 838m² và ngôi nhà 04 gian là di sản thừa kế của cụ Trịnh Khắc Th và cụ Lê Thị S1 để lại cho con cháu.

Tại các bản án số 23/2018.DS ngày 27/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện T; Bản án số 53/2018/DSPT ngày 17/10/2018 của Tòa án ND tỉnh T; Bản án số 13/2021/DSST ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện T và Bản án số 75/2021/DS-PT ngày 17/9/2021 của Tòa án ND tỉnh T đều khẳng định nguồn gốc thửa đất nêu trên là của cụ Trịnh Khắc Th và cụ Lê Thị S1 là tài sản chung của các đồng thừa kế.

Trong quá trình giải quyết vụ án một số người thừa kế đã lập văn bản dành phần tài sản được hưởng của mình cho ông Trịnh Khắc S2 (Gồm có: Trịnh Thị Son; Trịnh Thị Liên; Trịnh Khắc S; Trịnh Khắc Tài). Trước khi chết ông Trịnh Khắc S2 cũng đã có văn bản để lại toàn bộ di sản mình được hưởng và của các đồng thừa kế khác để lại cho ông cho ông Trịnh Khắc V.

Như vậy, ông Trịnh Khắc V sẽ được kỷ phần của 05 người trong hàng thừa kế thứ nhất trong tổng số 08 người, cộng thêm công S2 đóng góp, duy trì bảo quản khối tài sản chung, thờ cúng. Tại phiên tòa hôm nay ông V vẫn giữ nguyên yêu cầu nhận đủ 129,5 m² diện tích đất mà anh Trịnh Khắc P, Trịnh Khắc L, Trịnh Thị Th đang quản lý sử dụng.

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 612, Điều 618, Điều 649, Điều 650, Điều 651 BLDS 2015; Điều 100. Điều 103 Luật đất đai năm 2013 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Khắc V, giao cho ông V 466m² đất ở và ngôi nhà 04 gian, trong đó có 60,4 m² đất do anh Trịnh Khắc P đang quản lý; buộc anh Trịnh Khắc P và các thành viên trong gia đình phải tháo dỡ căn nhà cấp 4 và các công trình xây dựng và giao cho ông V 60,4m² trên thửa đất 1422, tờ bản đồ số 06 trả lại đất cho ông V.

Buộc ông Trịnh Khắc P, Trịnh Khắc L, Trịnh Thị Th phải liên đới thanh toán giá trị kỷ phần ông V được hưởng còn thiếu là 68,9m² x 1800.000đ = 124.020.000 đồng và giá trị công S2 đóng góp, thờ cúng, duy trì, bảo quản khối tài sản của cụ Th, cụ S1 cho ông V.

Về án phí: Nguyên đơn, ông V là thương binh nên áp dụng NQ326/2016 của UBND tỉnh T miễn toàn bộ án phí cho ông Trịnh Khắc V.

* Quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đồng bị đơn của Luật sư Nguyễn Trung Kh:

Ông Th và bà S1 có diện tích đất 894m², nay là 838m² là thực tế. Nhưng năm 1993, gia đình bà S1 đã thống nhất tách thành 2 thửa cho 2 hộ sử dụng, ông D là 364m², bà S1 là 530m² và đã ghi vào sổ đăng ký đất đai của Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh T.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 4; Điều 5; Điều 100 Luật đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thực hiện Luật đất đai 2013 về việc xác định quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Điều 4 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 19/10/2004 của Chính phủ quy định Luật đất đai.

Không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, ông Trịnh Khắc V.

Công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đối với các hộ ông Trịnh Khắc, ông Trịnh Khắc L và chị Trịnh Thị Th.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự về việc “ Tranh chấp chia di sản thừa kế ”

2 .Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm giải quyết vụ án dân sự về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế ”

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

4. Về việc giải quyết vụ án: Do chưa thống nhất với nội dung trả lời của Tòa án nhân dân huyện T về các yêu cầu xác M thu thập tài liệu chứng cứ và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát yêu cầu đưa các Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng không được Tòa án đồng ý nên đại diện Viện kiểm sát không có quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án, chỉ có quan điểm giải quyết vụ án về phần công S2 đóng góp, duy trì, bảo quản khối tài sản của cụ Th, cụ S1 để lại là đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các Bị đơn đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng, trước khi xét xử đều có ủy quyền hoặc xin xét xử vắng mặt tại phiên Tòa. Phiên tòa được xét xử theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trịnh Khắc V có đơn khởi kiện “Tranh chấp chia di sản thừa kế” theo khoản 5 Điều 26 [Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015](#) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Các đương sự và tài sản đang tranh chấp đều ở thôn M, xã B, huyện T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[3] Về nội dung vụ án: nguyên đơn, ông Trịnh Khắc V yêu cầu chia di sản thừa kế của ông nội là Trịnh Khắc Th và bà nội là Lê Thị S1 để lại. Tài sản, là một mảnh đất diện tích 894m². Tại thửa số 246, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 229) và một ngôi nhà ngôi 04 gian, nay là 838m²

[4] Xét về yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Trịnh Khắc V thì thấy: ông Trịnh Khắc Th và bà Lê Thị S1 có khối tài sản là một mảnh đất diện tích

894m² bao gồm 630m² đất thổ cư, 264m² đất màu (Trong đó 494 m² là đất ông cha để lại, 400m² là của ông Th bà S1 mua thêm năm 1953) tại thửa đất 246, tờ bản đồ số 02 (Bản đồ 299 năm 1984) và 01 ngôi nhà 04 gian. Ông Th mất năm 1964, không để lại di chúc, bà S1 mất năm 2005, có để lại một số di chúc nhưng tất cả các di chúc đó đều không hợp pháp theo quy định của pháp luật nên không có giá trị về mặt pháp lý.

Theo hồ sơ địa chính lập năm 2004;

Thửa 1422, tờ bản đồ số 06 tên chủ hộ sử dụng đất Lê Thị S1, diện tích hiện nay là 838m² gồm hai loại đất: Đất ở 200m²; đất vườn 638m².

Theo kết quả tại biên bản xem xét thẩm định bổ sung do Tòa án nhân dân tỉnh T thực hiện ngày 19/8/2021 (các bên đương sự đã đồng ý với số liệu này tại biên bản hòa giải ngày 22/4/2022) thì tổng diện tích đất mà ông V, ông P, ông L, bà Th đang sử dụng thực tế là 853,3m² (tăng so với diện tích trong bản đồ địa chính và sổ mục kê năm 2004 của UBND xã B và kết quả thẩm định ngày 06/11/2020 do Tòa án nhân dân thực hiện là 19,3m²). Trong đó diện tích cụ thể của gia đình ông V đang sử dụng là 406,3m² (tăng 11,59m²; ông P 134,4m², giảm 4,84m²; phần đất đang tranh chấp là 60,4m², giảm 11,89m²; bà Th 83,1m², tăng 7,63m²; ông L 173,1m², tăng 16,27m²).

Tại Công văn số 63/UBND-ĐC ngày 03/8/2022 Ủy ban nhân dân xã B, huyện T trả lời Tòa án sai số này là do chênh lệch trong quá trình đo đạc.

Qua các biên bản họp gia đình nhà bà Lê Thị S1 qua các thời kỳ đều khẳng định đất và nhà Từ Đ là tài sản của ông Th và bà S1 để lại cho con cháu đời sau.

Tại các Bản án số 23/2018/ DS ngày 27/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện T; Bản án số 53/DS-PT/2018 ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh T, Bản án số 13/2021/DSST ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện T và Bản án số 75/2021/DS-PT ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T đều khẳng định nguồn gốc thửa đất nêu trên là của cụ Trịnh Khắc Th và cụ Lê Thị S1 là tài sản chung của các đồng thừa kế.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định thửa đất diện tích 853,3m² và ngôi nhà 04 gian là di sản thừa kế của cụ Trịnh Khắc Th và cụ Lê Thị S1 để lại cho con cháu.

Ông Trịnh Khắc V - Con trai trưởng của cụ Trịnh Khắc S2 là Trưởng nhánh dòng họ. Sau khi lập gia đình cùng bà Phạm Thị M vào năm 1980, ông V đã được bà Lê Thị S1, bố mẹ ông V và tất cả các cô chú trong gia đình giao cho ở cùng và có việc chăm sóc bà Lê Thị S1 đến khi bà S1 chết.

Trong quá trình giải quyết vụ án một số người được hưởng thừa kế đã lập văn bản dành phần tài sản được hưởng của mình cho ông Trịnh Khắc S2 (Gồm có ông bà: Trịnh Thị S; Trịnh Thị L; Trịnh Khắc S; Trịnh Khắc T). Trước khi chết ông Trịnh Khắc S2 (bố của ông V) cũng có văn bản để lại toàn bộ di sản mình được hưởng và của các đồng thừa kế khác để lại cho ông cho ông Trịnh Khắc V.

Hội đồng xét xử xác định di sản của các đồng thừa kế được hưởng do ông Trịnh Khắc Th và bà Lê Thị S1 cho 8 người con là Trịnh Khắc S2 (đã chết), Trịnh

Khắc S (đã chết), ông Trịnh Khắc T, bà Trịnh Thị S, bà Trịnh Thị Son, bà Trịnh Thị L, bà Trịnh Thị L (đã chết) và Trịnh Khắc D (đã chết) là 853,3m², tại thửa đất số 1422, tờ bản đồ số 06 thuộc thôn M 3, xã B, huyện T.

Các tài liệu trong hồ sơ thể hiện ông Tài, bà Son và các con của ông S và bà Liên đều đồng ý cho toàn bộ kỹ phần đất được hưởng của mình cho ông V.

Còn các bà L, bà Sen cho anh P toàn bộ kỹ phần của mình được hưởng.

Với 857,3m² đất trên thì ông S, ông Tài, bà Son và Liên cùng ông S2 (bố ông V) được hưởng 5 phần = 535,8m² (mỗi kỹ phần là 107,16m²). Hiện gia đình ông V đang sử dụng quản lý trên diện tích đất là 406,3m². Bên anh P, chị Th, anh L đang sử dụng, quản lý là 390,6m² (phần của bà L, bà Sen đã có văn bản cho ông D). Phần đất đang tranh chấp là 60,4 m². Như vậy, chia theo kỹ phần thì ông V đang còn đang thiếu 129,5m², còn phía anh P thừa 69,1m² (cộng phần đất thừa và đất đang tranh chấp là 129,5 m²).

Quá trình giải quyết vụ án ông V yêu cầu các anh P, chị Th, anh L giao lại phần đất đang tranh chấp từ trước đến nay là 129,5m² (phía Bắc giáp đất nhà ông V là 4,96m; phía Nam giáp Đ liên thôn dài 4,77m; phía Tây giáp nhà ông V dài 12,74m; phía Đông giáp đất nhà anh P là 12,32m).

Đối với bị đơn anh P, (anh P còn đại diện cho anh L, chị Th) cho rằng diện tích đất 60,4 m² lâu nay anh P đang quản lý, sử dụng là do bà nội anh P là bà Lê Thị S1 đã cho bố anh là ông Trịnh Khắc D. Tuy nhiên, cho thời điểm này chưa có chứng cứ nào chứng M việc cho này và diện tích đất trên hiện vẫn đang mang tên cụ Lê Thị S1.

Đối với nhà cấp 4 xây dựng trên đất tranh chấp có diện tích 48,4m² đã hết giá trị sử dụng nên không xét.

Từ những phân tích trên, HĐXX Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 623, 649, 650, 651, 688 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Khắc V. Buộc ông Trịnh Khắc P giao cho ông V 60,4m² đất do anh P đang quản lý, sử dụng; anh Trịnh Khắc P và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm tháo dỡ căn nhà cấp 4 và các công trình xây dựng trên thửa đất 1422, tờ bản đồ số 06 (phía Bắc giáp đất nhà ông V là 4,96m; phía Nam giáp Đ liên thôn dài 4,77m; phía Tây giáp nhà ông V dài 12,74m; phía Đông giáp đất nhà anh P là 12,32m). đã hết giá trị sử dụng để giao lại đất cho ông Trịnh Khắc V. Buộc anh Trịnh Khắc P, anh Trịnh Khắc L, chị Trịnh Thị Th phải liên đới trả lại cho ông V số đất đang sử dụng nhưng vượt quá số kỹ phần được hưởng là 69,1m².

[5] Theo kết quả định giá tài sản ngày 06/11/2021 và tại phiên tòa ngày 12/5/2023 các đương sự vẫn đồng ý với kết quả đo đạc này thì:

Giá trị tài sản đất ở của các hộ là:

1. Phần đất: Thửa đất số 1422, tờ bản đồ số 6, ở thôn M 3, xã B, huyện T.

Có các cạnh tam giác như sau: phía Nam giáp trục Đ liên thôn dài 24,08m; phía Bắc giáp thửa 1304 và 1303, dài 31,73m; phía Đông giáp Đ ngõ xóm dài 28,43m; phía Tây giáp thửa 1421 và 1304 dài 28,77m.

Tổng diện tích: 857,3m².

Hiện nay có các hộ ông V, ông P, chị Th, anh L đang sử dụng. Cụ thể như sau:

1. Hộ ông Trịnh Khắc V:

- Phía Đông giáp nhà ông Trịnh Khắc P, giáp nhà anh L, chị Th. Phía Tây giáp nhà bà Lê Thị G và ông Lê Ích M; Phía Bắc giáp nhà ông Trịnh Khắc H và nhà ông Lê Ích M. Phía Nam giáp Đ giao thông trục chính của xã dài 6,58m. Diện tích đất nhà ông V 406,3m².

2. Hộ ông Trịnh Khắc P:

Trong đó: Nhà cấp 4, diện tích 60,4m²:

- Phía Nam giáp Đ liên thôn dài 4,77m; Phía Bắc giáp phần đất ông V đang sử dụng dài 4,96m; Phía Đông giáp nhà mới ông P cạnh 12,32m; Phía Tây giáp nhà ông V dài 12,74m. Tổng diện tích: 194,8 m².

* Phần nhà mới làm - Hộ ông P đang sử dụng: Diện tích 134,4m²

- Phía Tây giáp nhà cấp 4 cũ có cạnh dài 12,32m; Phía Bắc giáp hộ bà Trịnh Thị Th dài 12,8m; Phía Đông giáp Đ giao thông dài 8,38m và 0,59m; Phía Nam giáp Đ giao thông trục chính dài 12,1m.

3. Hộ bà Trịnh Thị Th:

- Phía Bắc giáp phần đất anh L dài 12,42m; Phía Nam giáp phần đất ông P dài 12,8m; Phía Đông giáp Đ ngõ xóm dài 6,56m; Phía Tây giáp đất đang tranh chấp và đất ông V đang sử dụng dài 6,16m. Diện tích 83,1m².

4. Hộ anh Trịnh Khắc L:

- Phía Đông giáp Đ ngõ xóm dài 12,84m; Phía Tây giáp đất ông V dài 12,55m; Phía Nam giáp đất chị Th dài 13,42m; Phía Bắc giáp thửa ông Hùng dài 13,88m. Diện tích 173,1m².

Như vậy hộ ông Trịnh Khắc P đang sử dụng tổng cộng 194,8m². Gồm 60,4 m² đất ngôi nhà cấp 4 đã cũ (phía Bắc giáp đất nhà ông V là 4,96m; phía Nam giáp Đ liên thôn dài 4,77m; phía Tây giáp nhà ông V dài 12,74m; phía Đông giáp đất nhà anh P là 12,32m) và 134,4m² diện tích đất ở ngôi nhà mới xây. (Dư 87,7m² so với kỷ phần 107 m²)

Hộ ông Trịnh Khắc L đang sử dụng 173,1m² (dư so với kỷ phần 107 m² là 66m²)

Hộ bà Trịnh Thị Th đang sử dụng 83,1m², thiếu so với kỷ phần. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Th không có yêu cầu đòi thêm phần đất còn thiếu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Giá trị phần kiến trúc xây dựng trên đất: Giữ nguyên như mô tả trong biên bản thẩm định ngày 06/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện T. (Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án các bên đã đồng ý với Biên bản thẩm định này).

1. Nhà ông Trịnh Khắc V:

- Nhà thờ: Nhà gỗ, khung nhà kẻ bảy, gỗ nhóm I, II, nền lát gạch đất nung, Đ kính cột < 25cm, mái lợp ngói.

Diện tích $66,84\text{m}^2$.

Thành tiền: $66,84\text{ m}^2 \times 1.018.000\text{đ}/\text{m}^2 = 68.043.120\text{đ} \times 20\%$.

Giá trị sử dụng = 13.608.624đ.

- Nhà cấp 4 xây năm 2019:

Nhà xây tường 220, tường trát vữa, lăn sơn các màu, nền lát gạch Ceramic, lắp điện chiếu sáng hoàn chỉnh, mái lợp tôn xộp

Diện tích $56,5\text{ m}^2$.

Thành tiền: $56,5 \times 2.504.000\text{đ}/\text{m}^2 = 141.476.000\text{đ} \times 93\% = 132.039.550\text{đ}$.

- Bán bình mái lợp tôn, cột, kèo, xà bằng ống thép tráng kẽm.

Diện tích 53 m^2 .

Thành tiền $53\text{ m}^2 \times 240.000\text{đ}/\text{m}^2 = 12.720.000\text{đ} \times 90\% = 11.448.600\text{đ}$.

- Nhà tắm + Nhà vệ sinh:

Tường xây gạch, mái đổ bê tông cốt thép, tường ốp gạch men, nền lát gạch chống trơn.

Diện tích $6,72\text{ m}^2 \times 1.254.000\text{đ}/\text{m}^2 = 8.426.880\text{đ} \times 20\%$.

Giá trị sử dụng = 1.685.376đ.

- Bể nước xây dựng 110:

$[(1,3 + 2,15) \times 0,9 + (1,3 + 1,1) \times 0,9] \times 0,11\text{ m}^3 \times 1.796.000\text{đ}/\text{m}^3 = 1.141.680\text{đ} \times 50\% = 570.840\text{đ}$.

- Bếp + Chuồng trại:

Tường xây gạch, trát vữa xi măng, nền láng vữa xi măng, mái lợp ngói, giá trị:

Diện tích $14,35\text{ m}^2$ đã hết sử dụng.

- Sân lát gạch Hạ Long 50 x 50cm.

Diện tích $45,0 \times 62.000\text{đ}/\text{m}^2 = 2.790.000\text{đ} \times 50\% = 1.395.000\text{đ}$.

- Quán bán hàng xây năm 2010:

Nhà xây gạch tường 110 kết hợp 220, tường trát vữa. quét vôi các màu. nền lát gạch, lắp điện chiếu sáng hoàn chỉnh, mái lợp ngói.

Diện tích $41,6\text{ m}^2 \times 2.374.000\text{đ}/\text{m}^2 = 98.758.400\text{đ} \times 33,3\% = 32.886.547\text{đ}$

- Cửa cổng lưới B40, kết hợp khung thép hình:

Diện tích $8,7 \text{ m}^2 \times 280.000\text{đ}/\text{m}^2 = 2.436.000\text{đ} \times 10\% = 243.600\text{đ}$.

Tổng cộng: 192.325.137đ.

2. Nhà ông Trịnh Khắc P:

Nhà mới xây, gia đình đang ở.

Nhà khung cột bê tông cốt thép chịu lực, mái bê tông cốt thép, tường xây gạch 220 kết hợp 110, lăn sơn các màu, có chống nóng bằng mái ngói.

Diện tích: $105,5\text{m}^2 \times 5.054.000\text{đ}/\text{m}^2 = 533.197.000\text{đ} \times 86,7\% = 462.281.799\text{đ}$.

- Nhà cấp 4 cũ:

Nhà xây tường 110 kết hợp 220, tường trát vữa, nền láng vữa xi măng, lắp điện chiếu sáng hoàn chỉnh, mái lợp ngói.

Diện tích $48,4\text{m}^2$ đã hết giá trị sử dụng.

- Chuồng trại:

Nhà xây gạch tường 110 kết hợp 220, tường trát vữa, nền láng vữa xi măng, lắp điện chiếu sáng hoàn chỉnh, mái lợp ngói.

Diện tích $15,54\text{m}^2$ đã hết giá trị sử dụng.

- Sân lát gạch Ceramic 50 x 50cm.

Diện tích $16,9\text{m}^2 \times 145.000\text{đ}/\text{m}^2 = 2.450.500\text{đ} \times 90\% = 2.205.450\text{đ}$.

- Nhà tắm + Vệ sinh:

Tường xây gạch, mái đổ bê tông cốt thép, tường ốp gạch men kính, nền lát gạch chống trơn.

Diện tích $7,02\text{m}^2 \times 1.254.000\text{đ}/\text{m}^2 = 8.803.080\text{đ} \times 86,7\% = 7.632.270\text{đ}$.

- Bể nước xây gạch 110:

Kích thước $(1,45 + 0,95) \times 2 \times 0,11 \times 1,35 + (0,75 + 0,95) \times 2 \times 0,11 \times 0,8\text{m}^3 \times 1.796.000\text{đ}/\text{m}^3 = 1.817.552\text{đ} \times 80\% = 1.454.041\text{đ}$.

- Bán bình mái lợp tôn:

Diện tích $574\text{m}^2 \times 240.000\text{đ}/\text{m}^2 = 1.377.600\text{đ} \times 80\% = 1.102.080\text{đ}$.

- Cửa cổng thép hợp sơn tĩnh điện:

Diện tích $4,72 \times 388.000\text{đ}/\text{m}^2 = 1.831.360\text{đ} \times 80\% = 451.072\text{đ}$.

- Trụ cổng xây gạch nung:

Khối lượng $0,64\text{m}^3 \times 881.000\text{đ}/\text{m}^3 = 563.840\text{đ} \times 80\% = 4.201.072\text{đ}$.

* Tường rào xây gạch 220 kết hợp xiên hoa thép hộp.

Diện tích $11,115\text{m}^2 \times 378.000\text{đ}/\text{m}^2 = 4.201.740\text{đ}$.

Tổng cộng: 476.457.481đ.

3. Nhà bà Trịnh Thị Th:

- Nhà cấp 4: Xây gạch không nung (gạch vồ)

Mái lợp ngói, nền lát gạch Ceramic 40 x 40cm.

Diện tích $17,62\text{m}^2 \times 1.213.000\text{đ}/\text{m}^2 = 21.373.060\text{đ}$.

Đã xây dựng 20 năm, hết khấu hao. Tính 20% giá trị sử dụng $21.373.060\text{đ} \times 20\% = 4.274.600\text{đ}$.

- Bán bình mái tôn:

Diện tích $11,1\text{m}^2 \times 240.000\text{đ} = 2.664.000\text{đ}$ đã hết khấu hao, tính 10% giá trị sử dụng $2.664.000\text{đ} \times 10\% = 266.400$.

- Bếp + kho:

Xây gạch 110 kết hợp 220, mái lợp ngói.

Diện tích $10,8\text{m}^2$. Hết khấu hao và giá trị sử dụng.

Tổng tiền là: 4.541.000đ.

4. Nhà ông Trịnh Khắc L:

- Nhà tắm: Tường xây gạch đất nung diện tích $5,5\text{m}^2$ đã hết khấu hao và giá trị sử dụng.

- Bể nước xây gạch 110:

Kích thước $[(1,45 + 0,95) \times 2 \times 0,11 \times 1,35 + (0,75 + 0,95) \times 2 \times 0,11 \times 0,8\text{m}^3]$. Đã hết khấu hao.

- Nhà cấp 4: Nhà xây gạch chỉ, tường 220 tường trát vữa, quét vôi ve các màu, nền lát gạch bát, lắp điện chiếu sáng hoàn chỉnh, mái lợp ngói.

Diện tích $67,1\text{m}^2$ đã hết giá trị sử dụng.

- Bếp: Xây gạch nung tường 220, mái lợp ngói, diện tích $57,65\text{m}^2$ đã hết giá trị sử dụng.

Nhà cấp 4: Xây gạch chỉ tường 110, mái lợp tôn.

Diện tích $10,66\text{m}^2 \times 2.057.000\text{đ}/\text{m}^2 = 21.927.620\text{đ}$, còn 50% giá trị $21.927.620\text{đ} \times 50\% = 10.963.800\text{đ}$.

- Cửa cổng lưới B40 kết hợp khung thép hình, diện tích $8,84\text{m}^2 \times 280.000\text{đ}/\text{m}^2 = 2.475.200\text{đ}$, hết khấu hao 10% giá trị sử dụng $247.520\text{đ} \times 10\% = 247.520\text{đ}$.

- Tường rào xây gạch 110.

Diện tích $7,08\text{m}^2$ hết khấu hao.

- Trụ cổng xây gạch nung:

Khối lượng $0,49\text{m}^3$ hết khấu hao.

Tổng 11.211.320đ.

[6] Hàng thừa kế thứ nhất gồm các ông, bà: Trịnh Khắc S2, Trịnh Khắc S, Trịnh Khắc T, Trịnh Thị S, Trịnh Thị Son, Trịnh Thị L, Trịnh Thị L và Trịnh Khắc D.

Tài sản thừa kế là diện tích 838m² đất (theo bản đồ 2004, trong đó đất ở là 200m², đất vườn là 638m²) thuộc thửa đất số 1422, tờ bản đồ số 06 ở thôn M 3, xã B, huyện T. Theo kết quả thẩm định ngày 06/11/2020 do Tòa án tỉnh Thẩm định thì thửa đất số 1422, tờ bản đồ số 06 có diện tích là 857,3 m². Địa chỉ: thôn M 3, xã B, huyện T, T.

[7] Về yêu cầu của ông Trịnh Khắc V và bà Phạm Thị M (bà M đã chết, các con để là Trịnh Thị Thảo và Trịnh Khắc Phong thừa kế) đối với công S2 duy trì khối tài sản của ông bà trong 40 năm và công S2 chăm sóc, ma chay, cải táng bà S1, Ngày 29 tháng 8 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện T đã đi xác M thu thập ở những người dân ở gần nhà ông V và ông Nguyễn Văn Th nguyên lãnh đạo xã B thì họ đều khai là chỉ thấy ông V chăm nuôi, ma chay bà S1 còn cụ thể thời gian bao lâu và công S2 đóng góp của ông V thế nào thì họ không biết nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[8] Về căn cứ để áp giá đất cho diện tích đất vườn và đất ở đều là 1.800.000 đồng. Ngày 24 tháng 5 năm 2022, Phòng Tài chính UBND huyện T đã có Công văn trả lời Tòa án huyện T là căn cứ để áp giá là tại Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh T về việc quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh T giai đoạn 2020- 2024.

Về diện tích đất ở và đất vườn nằm ở vị trí nào trong thửa đất thì tại Công văn số 55/CNVPĐKĐĐ của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T trả lời Tòa án huyện T thì không thể xác định được vị trí đất ở và vị trí đất vườn trong thửa đất số 1422, tờ bản đồ số 06 Bản đồ địa chính ở thôn M 3, xã B, huyện T năm 2004.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông V là Thương binh nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Trịnh Khắc V số tiền 5000.000đ ông V đã nộp tạm ứng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0004672 ngày 26/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; ông P, bà Th, ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị diện tích đất tranh chấp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, khoản 5,7 điều 166, điểm d khoản 1 điều 169 Luật đất đai năm 2013; Điều 623, 649, 650, 651, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Trịnh Khắc V, di sản để lại là của ông Trịnh Khắc Th và bà Lê Thị S1 để lại với diện tích là 857,3m²

là thửa đất số 1422, tờ bản đồ số 6, ở thôn M 3, xã B, huyện T. Di sản thừa kế được chia làm 8 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 107,1m².

Ông Trịnh Khắc V được 5 kỷ phần, gồm: của các ông bà Trịnh Khắc S2, Trịnh Thị Son; Trịnh Thị Liên; Trịnh Khắc S; Trịnh Khắc Tài. Tổng là 535,8m².

Giao cho ông V tiếp tục quản lý, sử dụng 01 ngôi nhà mái ngói 04 gian và 01 ngôi nhà cấp 4 xây năm 2019 (Theo biên bản thẩm định ngày 06/11/2020)

2. Giao cho ông Trịnh Khắc V 60,4 m² đất mà anh Trịnh Khắc P đang quản lý, sử dụng (phía Bắc giáp đất nhà ông V là 4,96m; phía Nam giáp Đ liên thôn dài 4,77m; phía Tây giáp nhà ông V dài 12,74m; phía Đông giáp đất nhà anh P là 12,32m). Buộc anh Trịnh Khắc P, anh Trịnh Khắc L phải trả lại cho ông Trịnh Khắc V số đất đang sử dụng vượt quá phần được hưởng là 69,1m² trả bằng tiền. Cụ thể: ông P phải trả lại 27,3 m², giá trị: 49.140.000 đồng; ông L trả lại 41,8 m², giá trị 75.240.000 đồng. anh Trịnh Khắc P tiếp tục quản lý, sử dụng 134,4 m² đất, anh Trịnh Khắc L tiếp tục quản lý, sử dụng 173,1m² đất.

Ông Trịnh Khắc V đang sử dụng 406,3m², cộng với diện tích đất được lấy lại từ ông P 60,4m², tổng là 466,7 m² đất và giá trị của 69,1m² đất tính ra tiền, tổng cộng là 535,8m².

Buộc anh Trịnh Khắc P và các thành viên trong gia đình phải tháo dỡ căn nhà cấp 4 không còn giá trị sử dụng trong phần diện tích đất 60,4m² (phía Bắc giáp đất nhà ông V là 4,96m; phía Nam giáp Đ liên thôn dài 4,77m; phía Tây giáp nhà ông V dài 12,74m; phía Đông giáp đất nhà anh P là 12,32m) thuộc thửa đất 1422, tờ bản đồ số 06 tại thôn M 3, xã B, huyện T, để trả lại đất cho ông Trịnh Khắc V.

3. Phần đất còn thiếu của bà Trịnh Thị Th do không có yêu cầu nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

4. Ông V, ông P, bà Th và ông L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Án phí:

- Ông Trịnh Khắc V được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Trả lại cho ông Trịnh Khắc V số tiền 5000.000đ ông V đã nộp tạm ứng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0004672 ngày 26/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Anh Trịnh Khắc P phải chịu 9.639.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;

- Chị Trịnh Thị Th chịu 7.811,400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;

- Anh Trịnh Khắc L phải chịu 11.817.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày

có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự, người đại diện hợp pháp cho của đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 [Luật Thi hành án dân sự](#) thì người được thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện T;
- P.Kiểm tra NVTHAHS TAND tỉnh
- Chi cục THA DS huyện T;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Hồng Đức

3. Phần đất còn thiếu của bà Trịnh Thị Th do không có yêu cầu nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

4. Ông V, ông P, bà Th và ông L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Án phí:

- Ông Trịnh Khắc V được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Trả lại cho ông Trịnh Khắc V số tiền 5000.000đ ông V đã nộp tạm ứng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0004672 ngày 26/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Anh Trịnh Khắc P phải chịu 9.639.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;
- Chị Trịnh Thị Th chịu 7.811,400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;
- Anh Trịnh Khắc L phải chịu 11.817.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự, người đại diện hợp pháp cho của đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 **Luật Thi hành án dân sự** thì người được thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đăng Thiện Nguyễn Văn Sâm

Cao Hồng Đức

3. Phần đất còn thiếu của bà Trịnh Thị Th do không có yêu cầu nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

4. Ông V, ông P, bà Th và ông L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Án phí:

- Ông Trịnh Khắc V được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Trả lại cho ông Trịnh Khắc V số tiền 5000.000đ ông V đã nộp tạm ứng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0004672 ngày 26/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Anh Trịnh Khắc P phải chịu 9.639.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;

- Chị Trịnh Thị Th chịu 7.811,400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;

- Anh Trịnh Khắc L phải chịu 11.817.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự, người đại diện hợp pháp cho của đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 **Luật Thi hành án dân sự** thì người được thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đăng Thiện

Nguyễn Văn Sâm

Cao Hồng Đức